

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT CÓ THỂ SỬ DỤNG LÀM RAU TẠI RỪNG PHÒNG HỘ CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Mạnh¹*, Nguyễn Trung Đức¹, Vũ Trọng Hiếu¹, Nguyễn Văn Linh¹, Nguyễn Thị Vân¹, Cao Huy Bình², Bùi Nguyễn Thế Kiệt², Trần Văn Lâm³

TÓM TẮT

Nghiên cứu thành phần loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Cần Giờ chủ yếu bằng phương pháp lập các tuyến khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 44 loài, với 41 chi, thuộc 27 họ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành (Polypodiophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Cây thân gỗ, cây bụi, cây thân bò leo (cả bò và leo) và cây thân thảo là 4 dạng sống chính của những loài thực vật này. Cây thân thảo có nhiều loài nhất (21 loài, 47,7%), tiếp đến là cây leo (10 loài, 22,7%), cây thân gỗ (8 loài, 18,2%), thấp nhất là cây bụi (5 loài, 11,4%). Tỷ lệ bắt gặp các loài rau trong các ô tiêu chuẩn là trên 50%, gồm các loài: *Psychotria serpens*, *Sonneratia ovata*, *Wollastonia biflora*, *Dicliptera chinensis*, *Sauropus androgynous*, *Stenochlaena palustris*, *Coccinia grandis*. 6 bộ phận chính của thực vật được sử dụng làm rau là: Lá; thân; ngọn; chồi; quả; hoa; rễ và củ. Trong đó, lá chiếm 43,75%, thân chiếm 21,87%, ngọn và chồi chiếm 17,19%, quả chiếm 7,81%, hoa chiếm 4,69%, rễ và củ chiếm 4,69%.

Từ khóa: Cần giờ, rừng phòng hộ, thực vật sử dụng làm rau, dạng sống.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cần Giờ là huyện ven biển, nằm về phía Đông Nam của thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vùng có điều kiện tự nhiên (đất, nước) không phù hợp với các loại rau thông thường [1]. Rừng phòng hộ Cần Giờ có điều kiện môi trường đặc biệt, là hệ sinh thái trung gian giữa hệ sinh thái thủy vực và trên cạn, hệ sinh thái nước ngọt và nước mặn. Do đó, nơi đây phát triển quần thể gồm cả các loài động, thực vật rừng trên cạn và thủy sinh. Rừng phòng hộ Cần Giờ có trên 157 loại thực vật, thuộc 76 họ; trong đó, 35 loài cây rừng ngập mặn (chủ yếu là Bần trắng, Mắm trắng, Đước đôi, Ổi, Trang, Đứng ...), thuộc 24 họ, 36 chi. Đến nay, chưa có nghiên cứu về thành phần, chủng loại cây có khả năng được sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ. Tuy nhiên, qua thực tế cho thấy, một số loài cây đã được người dân địa phương sử dụng làm rau như:

Rau bùi (*Wollastonia biflora*), thuộc họ Cúc (Asteraceae); Lim kìm (*Psychotria serpens*), thuộc họ Cà phê (Rubiaceae); Vọng cách hay Cách (*Premna serratifolia*), thuộc họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae).... [2]. Nhưng sự phân bố của các loài thực vật có thể sử dụng làm rau này chưa được xác định. Chính vì vậy, việc xác định các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp kế thừa: Thu thập, tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan để làm cơ sở cho nội dung nghiên cứu.

Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn nhanh người dân bản địa kết hợp lấy phiếu điều tra (500 phiếu) với các nội dung: Tên loài rau (tên thông thường và địa phương), dạng sống, sinh cảnh, bộ phận sử dụng, mùa thu hái...

Phương pháp điều tra thực địa: Điều tra khảo sát thực địa theo tuyến được thiết kế cắt ngang qua 3 kiểu quần xã thực vật ở Rừng phòng hộ Cần Giờ như sau: (1) Quần xã thực vật với ưu thế dây leo (Kí hiệu = Quần xã dây leo); (2) Quần xã thực

¹ Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Chi nhánh phía Nam

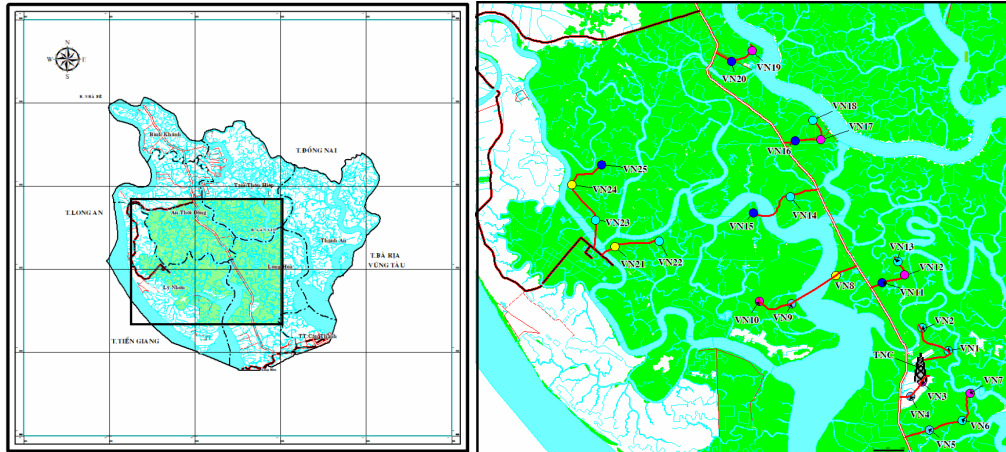
² Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ

³ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

* Email: manhvus@yahoo.com

vật với ưu thế cây bụi (Kí hiệu = Quần xã cây bụi); (3) Quần xã thực vật với ưu thế cây thân thảo (Kí hiệu = Quần xã thân thảo). Các quần xã thực vật này đều phân bố trên đất không ngập nước mặn và bán ngập nước mặn. Tổng số tuyến điều tra là 10.

Tọa độ của mỗi tuyến được xác định bằng máy GPS. Trên mỗi tuyến điều tra, bố trí 2 ô tiêu chuẩn (OTC) với kích thước 25 m² (5 x 5 m) theo phương pháp cơ giới. Khoảng cách giữa các OTC là 200 - 500 m tùy theo tuyến và quần xã thực vật.



Hình 1. Các tuyến điều tra và các ô tiêu chuẩn

Trong mỗi OTC, tiến hành thu thập thông tin các loài thực vật có thể sử dụng làm rau, độ bất gặp (F), đặc tính đất.

Tên các loài thực vật có thể sử dụng làm rau được xác định theo Phạm Hoàng Hộ (1999) [3], Nguyễn Nghĩa Thìn (1997) [4]. Độ bất gặp mỗi loài rau là tỷ lệ giữa số OTC bắt gặp loài trên tổng số OTC được điều tra. Lấy 50 tiêu bản thực vật gồm: Thân, lá, hoa và quả của các loài thực vật có thể sử dụng làm rau, thu về rửa sạch, để khô tự nhiên và bảo quản bằng giấy báo, nẹp gỗ. Mẫu được bảo quản tại Phòng Sinh thái cận, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Chi nhánh phía Nam.

Xác định tên khoa học của các loài thực vật có thể sử dụng làm rau theo hình thái kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia và tra cứu tài liệu của Phan Nguyên Hồng (1999) [5], Phạm Hoàng

Hộ (1999) [3] và Royal Botanic Gardens, Kew [6]. Danh mục thành phần loài thực vật theo cách sắp xếp của Brummitt (1992) [7].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng về thành phần các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ

Kết quả điều tra ngoài thực địa kết hợp với phân tích tại phòng thí nghiệm và tra cứu các tài liệu định danh thực vật đã ghi nhận: Thành phần loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ là 44 loài (Bảng 1), với 41 chi, thuộc 27 họ của ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và Mộc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Dương xỉ có 1 loài (Choi), chiếm 2,27% tổng số loài và ngành Mộc lan 43 loài, chiếm 97,73% tổng số loài.

Bảng 1. Danh mục các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Loài		Họ	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Bần ổi	<i>Sonneratia ovata</i> Bak.	Bần	Sonneratiaceae
2	Bình bát dây	<i>Coccinia grandis</i> (L.) Voigt	Bầu bí	Cucurbitaceae
3	Cứt quạ	<i>Gymnopetalum chinense</i> (Lour.) Merr.	Bầu bí	Cucurbitaceae
4	Bìm nước	<i>Aniseia martinicensis</i> (Jacq.) Choisy	Bìm bìm	Convolvulaceae

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

5	Muống biển	<i>Ipomoea pes-caprae</i> (L.) Sweet	Bìm bìm	Convolvulaceae
6	Tra lâm vồ	<i>Thespesia populnea</i> (L.) Soland. ex Correa	Bông	Malvaceae
7	Tra nhót	<i>Hibiscus tiliaceus</i> L.	Bông	Malvaceae
8	Thù lù	<i>Physalis angulata</i> L.	Cà	Solanaceae
9	Lìm kìm	<i>Psychotria serpens</i> L.	Cà phê	Rubiaceae
10	Nhàu nước	<i>Morinda persicifolia</i> Buch.-Ham.	Cà phê	Rubiaceae
11	Cát lỏi	<i>Cheilocostus speciosus</i> (J.Kenig) C.D. Specht	Cát lỏi	Costaceae
12	Bồn bồn	<i>Typha orientalis</i> C. Presl	Cau dừa	Arecaceae
13	Chà là biển	<i>Phoenix paludosa</i> Roxb.	Cau dừa	Arecaceae
14	Dừa nước	<i>Nypa fruticans</i> Wurmmb	Cau dừa	Arecaceae
15	Lộc cách	<i>Premna serratifolia</i> L.	Cỏ roi ngựa	Verbenaceae
16	Cỏ cứt lợn	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Cúc	Asteraceae
17	Cỏ lào	<i>Chromolaena odorata</i> (L.) R.M.King & H.Rob.	Cúc	Asteraceae
18	Cúc tần	<i>Pluchea indica</i> (L.) Less.	Cúc	Asteraceae
19	Rau bui	<i>Wollastonia biflora</i> (L.) DC.	Cúc	Asteraceae
20	Cóc kèn	<i>Derris trifoliata</i> Lour.	Đậu	Fabaceae
21	Điền điển	<i>Sesbania cannabina</i> (Retz.) Poir.	Đậu	Fabaceae
22	Keo đậu	<i>Leucaena leucocephala</i> (Lam.) de Wit	Đậu	Fabaceae
23	So đũa	<i>Sesbania grandiflora</i> (L.) Poir.	Đậu	Fabaceae
24	Sộp rừng	<i>Ficus pisocarpa</i> Blume	Dầu tằm	Moraceae
25	Diếp bờ	<i>Alternanthera paronychioides</i> A.St.- Hil.	Dền	Amaranthaceae
26	Quao nước	<i>Dolichandrone spathacea</i> (L.f.) K.Schum	Đinh	Bigoniaceae
27	Choại	<i>Stenochlaena palustris</i> (Burm. f.) Bedd.	Dương xỉ	Polypodiaceae
28	Chùm lé	<i>Azima sarmentosa</i> (Blume) Benth. & Hook. f.	Gai me	Salvadoraceae
29	Càng cua	<i>Peperomia pellucida</i> (L.) Kunth	Hồ tiêu	Piperaceae
30	Rau diền	<i>Dicliptera chinensis</i> (L.) Juss.	Ô rô	Acanthaceae
31	Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Ngò	Apiaceae
32	Lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i> L.	Nhãn lồng	Passifloraceae
33	Nho rừng	<i>Causonis trifolia</i> (L.) Mabb. & J. Wen	Nho	Vitaceae
34	Ô rô	<i>Acanthus ilicifolius</i> L.	Ô rô	Acanthaceae
35	Ô rô trắng	<i>Acanthus ebracteatus</i> Vahl	Ô rô	Acanthaceae
36	Ráng đại	<i>Acrostichum aureum</i> L.	Ráng	Pteridaceae
37	Sam biển	<i>Sesuvium portulacastrum</i> L.	Rau dấp	Aizoaceae
38	Hà thủ ô	<i>Reynoutria multiflora</i> (Thunb.) Moldenke	Rau răm	Polygonaceae
39	Cỏ sữa đất	<i>Euphorbia thymifolia</i> L.	Thầu dầu	Euphorbiaceae

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

40	Cỏ sữa lông	<i>Euphorbia hirta</i> L.	Thầu dầu	Euphorbiaceae
41	Đại kích dị diệp	<i>Euphorbia heterophylla</i> L.	Thầu dầu	Euphorbiaceae
42	Rau ngót	<i>Sauropus androgynous</i> (L.) Merr.	Thầu dầu	Euphorbiaceae
43	Dây mủ	<i>Finlaysonia obovata</i> Wall.	Thiên lý	Asclepiadaceae
44	Bòng bòng to	<i>Calotropis gigantea</i> (L.) W.T. Aiton	Trúc đào	Apocynaceae

Bảng 1 cho thấy, trong 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ có một số loài rau đặc trưng như: Rau Bui, Lím kim, Choại,...

3.2. Đa dạng họ của các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ

Bảng 2. Đa dạng họ của những loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Họ		Số loài	Tỷ lệ (%)
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Cúc	Asteraceae	4	9,09
2	Đậu	Fabaceae	4	9,09
3	Thầu dầu	Euphorbiaceae	4	9,09
4	Cau dừa	Arecaceae	3	6,82
5	Ô rô	Acanthaceae	3	6,82
6	Bầu bí	Cucurbitaceae	2	4,55
7	Bìm bìm	Convolvulaceae	2	4,55
8	Bông	Malvaceae	2	4,55
9	Cà phê	Rubiaceae	2	4,55
10	Bần	Sonneratiaceae	1	2,27
11	Cà	Solanaceae	1	2,27
12	Cát lỏi	Costaceae	1	2,28
13	Cỏ roi ngựa	Verbenaceae	1	2,27
14	Dầu tằm	Moraceae	1	2,27
15	Dền	Amaranthaceae	1	2,27
16	Đinh	Bigoniaceae	1	2,27
17	Dương xỉ	Polypodiaceae	1	2,27
18	Gai me	Salvadoraceae	1	2,27
19	Hồ tiêu	Piperaceae	1	2,27
20	Ngò	Apiaceae	1	2,27
21	Nhãn lồng	Passifloraceae	1	2,27
22	Nho	Vitaceae	1	2,27
23	Ráng	Pteridaceae	1	2,27
24	Rau đắng	Aizoaceae	1	2,27
25	Rau răm	Polygonaceae	1	2,27
26	Thiên lý	Asclepiadaceae	1	2,27
27	Trúc đào	Apocynaceae	1	2,27
Tổng số			44	100

Bảng 2 cho thấy, có 27 họ thực vật có thể sử dụng làm rau được bắt gặp tại Rừng phòng hộ Cần Giờ. Trong đó, 9 họ có từ 2 - 4 loài, chiếm tỷ lệ 56,84%, 18 họ có 1 loài, chiếm tỷ lệ 43,16%.

3.3. Đa dạng loài theo các dạng sống

Những loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ bao gồm 4 kiểu dạng sống: Thân gỗ, bụi, bò leo, thảo (Bảng 3).

Bảng 3 cho thấy, cây thân gỗ, cây bụi, cây thân bò leo (cả bò và leo) và cây thân thảo là 4 dạng sống chính của những loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ. Trong đó, cây thân thảo có nhiều loài nhất (21 loài, 47,7%), tiếp đến là cây leo (10 loài, 22,7%), cây thân gỗ (8 loài, 18,2%), thấp nhất là cây bụi (5 loài, 11,4%).

Bảng 3. Những dạng sống của các loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Dạng sống	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Thân gỗ	8	18,2
2	Thân bụi	5	11,4
3	Thân bò leo	10	22,7
4	Thân thảo	21	47,7
Tổng số		44	100

Kết quả điều tra, thống kê các loài thực vật thân gỗ có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Những loài thực vật thân gỗ có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Loài cây		Họ
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
1	Bần ổi	<i>Sonneratia ovata</i> Bak.	Bần
2	Chà là biển	<i>Phoenix paludosa</i> Roxb.	Cau dừa
3	Dừa nước	<i>Nypa fruticans</i> Wurm	Cau dừa
4	Nhàu nước	<i>Morinda persicifolia</i> Buch.-Ham.	Cà phê
5	Quao nước	<i>Dolichandrone spathacea</i> (L.f.) K.Schum	Đinh
6	So đũa	<i>Sesbania grandiflora</i> (L.) Poir.	Đậu
7	Sộp rừng	<i>Ficus pisocarpa</i> Blume	Dầu tằm
8	Tra lâm vỏ	<i>Thespesia populnea</i> (L.) Soland. ex Correa	Bông

Bảng 4 cho thấy, 8 loài thực vật thân gỗ, thuộc 7 họ khác nhau được sử dụng làm rau. Trong đó, có 2 loài được người dân địa phương ở huyện Cần Giờ thường sử dụng nhiều là: So đũa và Dừa nước

(qua 500 phiếu phỏng vấn cho thấy, 62% số người được hỏi thường lấy So đũa và 50% lấy Dừa nước về làm rau).

Bảng 5. Những loài thực vật thân bụi có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Loài cây		Họ
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
1	Điên điển	<i>Sesbania cannabina</i> (Retz.) Poir.	Đậu
2	Keo dậu	<i>Leucaena leucocephala</i> (Lam.) de Wit	Đậu
3	Lộc cách	<i>Premna serratifolia</i> L.	Cỏ roi ngựa
4	Rau ngót	<i>Sauropus androgynous</i> (L.) Merr.	Thầu dầu
5	Tra nhót	<i>Hibiscus tiliaceus</i> L.	Bông

Bảng 5 cho thấy, trong 5 loài thực vật thân bụi, thuộc 4 họ khác nhau được sử dụng làm rau, trong đó có 2 loài được người dân địa phương ở huyện Cần Giờ

thường sử dụng nhất đó là: Rau ngót, Diên điển, (qua 500 phiếu phỏng vấn cho thấy, 70,4% số người được hỏi thường lấy Ngót và 60% Diên điển về làm rau).

Bảng 6. Những loài thực vật thân bò leo có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Loài cây		Họ
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
1	Bìm nước	<i>Aniseia martinicensis</i> (Jacq.) Choisy	Bìm bìm
2	Bình bát dây	<i>Coccinia grandis</i> (L.) Voigt	Bầu bí
3	Choại	<i>Stenochlaena palustris</i> (Burm. f.) Bedd.	Dương xỉ
4	Cứt quạ	<i>Gymnopetalum chinense</i> (Lour.) Merr.	Bầu bí
5	Dây mủ	<i>Finlaysonia obovata</i> Wall.	Thiên lý
6	Hà thủ ô	<i>Reynoutria multiflora</i> (Thunb.) Moldenke	Rau răm
7	Lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i> L.	Nhân lồng
8	Lìm kim	<i>Psychotria serpens</i> L.	Cà phê
9	Nho rừng	<i>Causonis trifolia</i> (L.) Mabb. & J. Wen	Nho
10	Muống biển	<i>Ipomoea pes-caprae</i> (L.) Sweet	Bìm bìm

Bảng 6 cho thấy, 10 loài thực vật thân bò leo, thuộc 8 họ khác nhau được sử dụng làm rau, trong đó 2 loài được người dân địa phương ở huyện Cần Giờ thường sử dụng nhất là: Lìm kim, Bình bát dây (qua 500 phiếu phỏng vấn cho thấy, 90% số người được hỏi thường lấy Lìm kim và 64% Bình bát dây về làm rau).

Bảng 7. Những loài thực vật thân thảo có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Loài cây		Họ
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
1	Bồn bồn	<i>Typha orientalis</i> C. Presl	Cau dừa
2	Bòng bòng to	<i>Calotropis gigantea</i> (L.) W.T. Aiton	Trúc đào
3	Càng cua	<i>Peperomia pellucida</i> (L.) Kunth	Hồ tiêu
4	Cát lỏi	<i>Cheilocostus speciosus</i> (J.Kenig) C.D. Specht	Cát lỏi
5	Chùm lé	<i>Azima sarmentosa</i> (Blume) Benth. & Hook. f.	Gai me
6	Cỏ cứt lợn	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Cúc
7	Cỏ lào	<i>Chromolaena odorata</i> (L.) R.M.King & H. Rob.	Cúc
8	Cỏ sữa đất	<i>Euphorbia thymifolia</i> L.	Thầu dầu
9	Cỏ sữa lông	<i>Euphorbia hirta</i> L.	Thầu dầu
10	Cóc kèn	<i>Derris trifoliata</i> Lour.	Đậu
11	Cúc tần	<i>Pluchea indica</i> (L.) Less.	Cúc
12	Đại kích dị diệp	<i>Euphorbia heterophylla</i> L.	Thầu dầu
13	Diếp bờ	<i>Alternanthera paronychioides</i> A.St.- Hil.	Dền
14	Ô rô	<i>Acanthus ilicifolius</i> L.	Ô rô
15	Ô rô trắng	<i>Acanthus ebracteatus</i> Vahl	Ô rô
16	Ráng dại	<i>Acrostichum aureum</i> L.	Ráng
17	Rau bui	<i>Wollastonia biflora</i> (L.) DC.	Cúc
18	Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Ngò
19	Rau diếp	<i>Dicliptera chinensis</i> (L.) Juss.	Ô rô
20	Sam biển	<i>Sesuvium portulacastrum</i> L.	Rau đắng
21	Thù lù	<i>Physalis angulata</i> L.	Cà

Bảng 7 cho thấy, số lượng loài thực vật thân thảo, thuộc 14 họ khác nhau) chiếm gần 50% trong tổng số 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau (21 loài thực vật thân thảo có thể sử dụng làm rau).

Rừng phòng hộ Cần Giờ. Trong đó, 3 loài được người dân địa phương ở huyện Cần Giờ thường sử dụng là: Rau bui, rau diên và Bồn bồn (qua 500 phiếu phỏng vấn cho thấy, 86% số người được hỏi thường lấy rau bui và 74% rau diên 54% Bồn bồn làm rau ăn).

3.4. Đa dạng loài theo môi trường sống

Kết quả nghiên cứu cho thấy, những loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở rừng phòng hộ Cần Giờ phân bố trên 3 môi trường: Đất không ngập nước, đất bán ngập nước, đất ngập nước mặn và được thể hiện ở bảng 8.

Bảng 8. Môi trường sống của các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Đất không ngập nước	Đất bán ngập	Đất ngập nước mặn
1	Bìm nước	Bồn bồn	Bần ổi
2	Bình bát	Càng cua	Dừa nước
3	Bòng bòng	Chà là biển	Ô rô trắng
4	Cát lỏi	Chùm lé	
5	Choại	Cóc kèn	
6	Cỏ cứt lợn	Cúc tần	
7	Cỏ lào	Điên điển	
8	Cỏ sữa đất	Lìm kìm	
9	Cỏ sữa lông	Nho rừng	
10	Cứt quạ	Quao nước	
11	Đại kích dị diệp	Ráng đại	
12	Dây mủ	Rau bui	
13	Diếp bờ	Sam biển	
14	Hà thủ ô	Tra nhót	
15	Keo đậu	Rau Diên	
16	Lạc tiên		
17	Lộc cách		
18	Nhàu nước		
19	Ô rô		
20	Rau má		
21	Muống biển		
22	Rau ngót		
23	So đũa		
24	Sộp rừng		
25	Thù lù		
26	Tra lâm vồ		

Bảng 8 cho thấy, số loài cây sống trên đất không ngập nước là 26 loài, chiếm 59,1% trong tổng số 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ; số loài cây sống trên đất bán ngập nước là 15 loài, chiếm 34,1% trong tổng số 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ; số loài cây sống trên đất ngập nước mặn và nước lợ là 3 loài, chiếm 6,8% trong tổng số 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ.

3.5. Mức độ bắt gặp đối với các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ

Mức độ hay tỷ lệ bắt gặp (F) đối với 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ được thể hiện ở bảng 9. Trong 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ, 7 loài có mức độ bắt gặp trên 50% số OTC là: Lìm kìm, Bần ổi, rau Bui, rau Diên, rau Ngót, Choại, Bình bát dây.

Bảng 9. Mức độ bắt gặp của các loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Loài cây	N (OTC)	F (%)
1	Lìm kìm	18	60,0
2	Bần ổi	17	56,7
3	Rau bui	17	56,7
4	Rau diền	17	56,7
5	Rau ngót	17	56,7
6	Choại	16	53,3
7	Bình bát dây	16	53,3
37	Loài khác		<50

3.6. Đa dạng về bộ phận của thực vật sử dụng làm rau

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 6 bộ phận chính của thực vật được sử dụng làm rau là: Lá, thân,

ngọn và đọt, quả, hoa, rễ và củ. Trong đó, lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất, chiếm 43,75%, tiếp đến là thân (21,87%), ngọn và đọt (17,19%), quả (7,81%), thấp nhất là hoa, rễ và củ (4,69%).

Bảng 10. Tần suất sử dụng các bộ phận của loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ

TT	Bộ phận sử dụng	Tần suất (lần)	Tỷ lệ (%)
1	Lá	28	43,75
2	Thân	14	21,87
3	Ngọn và đọt	11	17,19
4	Quả	5	7,81
5	Hoa	3	4,69
6	Rễ và củ	3	4,69
	Tổng	64	100

3.7. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu của Phan Văn Ngọt và cs (2007) [2] cho thấy, tại Rừng phòng hộ Cần Giờ có 182 loài thực vật bậc cao có mạch, với 128 chi, thuộc 57 họ của ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) 6 loài và ngành Mộc lan (Magnoliophyta). Theo Phương Giang (2022), Rừng phòng hộ Cần Giờ có trên 157 loại thực vật thuộc 76 họ; trong đó, 35 loại cây rừng ngập mặn, thuộc 24 họ, 36 chi [8]. Kết quả nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái và đề xuất biện pháp bảo tồn và phát triển các loại rau đại ăn được có giá trị tại đảo Cù Lao Chàm, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam của Phạm Thị Kim Thoa và Nguyễn Thị Kim Yến (2014) [9] đã tuyển chọn được 4 loại rau rừng có giá trị sử dụng và có hiệu quả kinh tế - xã hội gồm: Rau Súng (*Strophoblachia fimbriatylx* Boerl.), Xăng (*Zanthoxylum nitidum* (Roxb.) DC.), Lạc tiên

(*Passiflora foetida* L), Dớn (*Diplazium esculentum* Retz. Sw).

Kết quả nghiên cứu về đa dạng thành phần loài thực vật có thể sử dụng làm rau tại rừng phòng hộ Cần Giờ đã ghi nhận 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau, chiếm tỷ lệ 24,18% tổng số loài thực vật đã được Phan Văn Ngọt và cs (2007) [2] ghi nhận ở Rừng phòng hộ Cần Giờ. Kết quả nghiên cứu này đã cho thấy, thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ tương đối phong phú. Nếu so sánh với kết quả nghiên cứu của Đặng Văn Sơn, Phạm Văn Ngọt (2014) [10] chỉ có 15 loài làm cây thực phẩm ở Rừng phòng hộ Cần Giờ thì số lượng loài thực vật có thể sử dụng làm rau trong nghiên cứu này nhiều hơn gần gấp 3 lần. Theo Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ (2021) [11] ở Rừng phòng hộ Cần Giờ chỉ có 34 loài thực vật có thể sử dụng làm thực phẩm; so với

nghiên cứu này thì các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ghi nhận được nhiều hơn 10 loài.

4. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra loài thực vật có thể sử dụng làm rau ăn tại Rừng phòng hộ Cần Giờ đã ghi nhận được 44 loài, với 41 chi, thuộc 27 họ của ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) 1 loài, chiếm 2,27% tổng số loài và ngành Mộc lan (Magnoliophyta) 43 loài, chiếm 97,73% tổng số loài.

Các loài thực vật có thể sử dụng làm rau ăn bắt gặp ở Rừng phòng hộ Cần Giờ gồm 4 kiểu dạng sống: Cây thân gỗ, cây thân bụi, cây thân bò leo (vừa bò vừa leo) và cây thân thảo. So với số loài của 4 dạng sống (44 loài, chiếm 100%), cây thân thảo có số loài nhiều nhất (21 loài, chiếm 47,7%), thấp nhất là cây thân bụi (5 loài, chiếm 11,4%), cây thân gỗ (8 loài, chiếm 18,2%), cây thân bò leo (10 loài, chiếm 22,7%).

Tỷ lệ bắt gặp thực vật có thể sử dụng làm rau ăn trên 50% số OTC được khảo sát tại Rừng phòng hộ Cần Giờ gồm 7 loài: Lím kim, Bần ổi, rau bùi, rau diếp, rau ngót, Choại, Bình bát dây.

Trong 44 loài thực vật có thể sử dụng làm rau ở Rừng phòng hộ Cần Giờ có 6 bộ phận chính của cây được sử dụng làm rau: Lá, thân, ngọn đọt, quả, hoa và rễ củ; trong đó lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất, chiếm 43,75%; tiếp đến là thân 21,87%; ngọn đọt 17,19%; quả 7,81%; hoa 4,69% cuối cùng là rễ củ 4,69%.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ “Nghiên cứu chọn và trồng thử nghiệm một số loài rau có khả năng chịu mặn tại huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh” theo Quyết định số 1037/QĐ - SKHCN ngày 28/12/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tất cả các nghiên cứu thực địa được thực hiện với sự cho phép của Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ. Nhóm tác giả xin cảm ơn tới Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ; Chi nhánh phía Nam - Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga đã tạo điều kiện để chúng tôi thực hiện nghiên cứu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đức Tuấn, Trần Thị Kiều Oanh, Cát Văn Thành, Nguyễn Đình Quý (2002). *Khu Dự trữ Sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ*. Nxb Nông nghiệp.
2. Phạm Văn Ngọt, Viên Ngọc Nam, Phan Nguyên Hồng (2007). *Nghiên cứu thành phần loài thực vật bậc cao có mạch ở Rừng ngập mặn Cần Giờ*. Báo cáo khoa học đề tài nhánh cấp Nhà nước.
3. Phạm Hoàng Hộ (1999). *Cây cỏ Việt Nam*. Tập I, II, III. Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997). *Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Phan Nguyên Hồng (1999). *Rừng ngập mặn Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Royal Botanic Gardens, Kew. <https://powo.science.kew.org/>, truy cập ngày 18 tháng 5 năm 2022.
7. Brummitt R. K. (1992). *Vascular plant families and genera*. Royal botanic garden, Kew.
8. Phương Giang (2022). Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, <https://thiennhienvoimotruong.vn/khu-du-tru-sinh-quyen-can-gio.html>, truy cập ngày 22 tháng 8 năm 2022.
9. Phạm Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Kim Yến (2014). Nghiên cứu một số đặc điểm sinh thái và đề xuất biện pháp bảo tồn và phát triển các loại rau dại ăn được có giá trị tại đảo Cù Lao Chàm, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp*, số 4, tr. 2968 - 2976.
10. Đặng Văn Sơn, Phạm Văn Ngọt (2014). Đa dạng thành phần loài cây du nhập rừng ngập mặn ở Khu Dự trữ Sinh quyển Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, tập 12, số 1, 52 - 58.
11. Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ (2021). Danh mục loài cây rừng có thể khai thác chế biến làm thực phẩm kèm theo Công văn số 651/BQL ngày 29/11/2021 về việc cung cấp thông tin những loài cây rừng có thể khai thác chế biến làm thực phẩm nhưng không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của rừng.

**DIVERSITY OF PLANT SPECIES THAT CAN BE USED AS VEGETABLES
IN CAN GIO PROTECTION FOREST, HO CHI MINH CITY**

**Vu Manh¹, Nguyen Trung Duc¹, Vu Trong Hieu¹, Nguyen Van Linh¹,
Nguyen Thi Van¹, Cao Huy Binh², Bui Nguyen The Kiet², Tran Van Lam³**

¹*Vietnam - Russia Tropical Center, Southern Branch*

²*Can Gio Protection Forest Management Board*

³*Ho Chi Minh city Department of cultivation and Plant Protection*

Summary

Research on the composition of plant species that can be used as vegetables in Can Gio using the main method of establishing survey routes. According to study on the variety of plant species that can produce vegetables in the Can Gio protected forest, 44 species with 41 genera that are members of 27 groups of vascular plants, the Polypodiophyta and the Magnoliophyta, have been identified. Woody plants, shrubs, climbing plants (both crawling and climbing) and herbaceous plants are the four main life forms of these plants. Herbaceous plants have the most species (21 species, 47.7%), followed by shrubs (5 species, 11.4%), woody plants (8 species, 18.2%) and climbing plants (10 species, 22.7%). Over 50% of the 44 plant species that can be used as vegetables and were discovered in the Can Gio protected forest were found in the standard plots, including seven species of the following: *Psychotria serpens*, *Sonneratia ovata*, *Wollastonia biflora*, *Dicliptera chinensis*, *Sauropus androgynous*, *Stenochlaena palustris*, *Coccinia grandis*. There are 6 main parts of plants used as vegetables: Leaves 43.75%, stems (21.87%), tops and buds (17.19%), fruits (7.81%), flowers (4.69%) and tuberous roots (4.69%).

Keywords: *Can Gio, mangrove forest, plants used as vegetables, life form.*

Người phản biện: TS. Phùng Thị Thu Hà

Ngày nhận bài: 5/10/2023

Ngày thông qua phản biện: 3/11/2023

Ngày duyệt đăng: 14/11/2023